

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2022
“V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Thùy Vân;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Đình Thủ;**
2. Ông **Nguyễn Thanh Niên;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Lợi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 10, ấp 3, xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang S**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp Bình M, xã Bình T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị **T** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **S** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2022 và các văn bản ghi ý kiến ở Tòa án, nguyên đơn chị **Lê Thị Kim T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị **T** và anh **S** qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình T,

huyện Cao Lãnh ngày 13/4/2018. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng thời gian về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay, chị T nhận thấy tình cảm hai bên không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quang S.

- Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 12/11/2020. Hiện con chung đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Cẩm T, tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung số tiền $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở đến khi con chung trưởng thành, tại biên bản không tiến hành hòa giải được và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Quang S: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, anh Sang cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- 01 Căn cước công dân tên Lê Thị Kim T (Bản photo);
- 01 Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Lê Thị T (Bản photo);
- 01 Giấy chứng nhận kết hôn Lê Thị Kim T và Nguyễn Quang S, ngày đăng ký 13/4/2018 do UBND xã Bình Thạnh cấp (Bản chính);
- 01 Giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 12/11/2020 (Bản sao);

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 16/5/2022 và đã thông báo cho các đương sự vắng mặt được biết. Không có ai phản bác ý các tài liệu chứng cứ được công khai trong phiên họp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Lê Thị Kim T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quang S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Nguyễn Quang S đang cư trú tại ấp Bình M, xã Bình T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Anh Nguyễn Quang S đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh S.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình T, huyện Cao Lãnh ngày 13/4/2018 nên xác định đây là hôn nhân là hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Chị T và anh S không còn chung sống, anh S cũng không có hành động hay đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được chị T tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là anh S đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim T.

[5] Về con chung: Chị Lê Thị Kim T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 12/11/2020

Xét thấy, hiện nay chị T đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Cẩm T. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống cũng như nhằm đảm bảo cho cháu Cẩm T phát triển toàn diện về mọi mặt cả vật chất lẫn tinh thần nên cần giao cháu Cẩm T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cho nên, chị T yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 12/11/2020

là có căn cứ chấp nhận.

Sau ly hôn, chị T và anh S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; anh S không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh S được quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị T thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh S không có Văn bản gửi cho Tòa án yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh S không có Văn bản gửi cho Tòa án yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Thoa phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007410 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Thị Kim T.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Quang S.

- Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 12/11/2020. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Quang S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Lê Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007410 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã Bình T;
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thùy Vân

